

KHỐI 7. MÔN NGỮ VĂN
HƯỚNG DẪN NỘI DUNG HỌC TẬP TUẦN 14

TUẦN 14

TIẾT 53:

CHƠI CHỮ

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU

Chú ý: Học sinh chỉ đọc, không cần viết bài

Đọc kĩ sách giáo khoa trang 163,164,165,166 và thực hiện các yêu cầu

** Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu thế nào là chơi chữ?*

Đọc bài ca dao sau và trả lời câu hỏi

-Em có nhận xét gì về nghĩa của các từ lợi trong bài ca dao trên?

- Việc sử dụng từ lợi ở cuối bài ca dao là dựa vào hiện tượng gì của từ ngữ? Tác dụng?

** Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu các lối chơi chữ và cách sử dụng chơi chữ?*

- HS tìm hiểu 4 ví dụ trong SGK, Tr.164

- Từ đó rút ra có mấy lối chơi chữ

- Lối chơi chữ thường được sử dụng ở đâu?

** Nhiệm vụ 3: Làm bài tập*

Làm bài tập 1,2,3,4 SGK/ 165,166

B. NỘI DUNG GHI BÀI:

***Chú ý: Phần này học sinh viết bài đầy đủ vào trong vở.**

I. TÌM HIỂU BÀI

1. Thế nào là chơi chữ?

a. Ví dụ: Sgk/163:

Bà già đi chợ Cầu Đông,

Bói xem một quẻ lấy chồng lợi(1) chăng?

Thầy bói xem quẻ nói rằng:

Lợi (2) thì có lợi(3) nhưng răng không còn.

(Ca dao)

- Lợi 1: Thuận lợi, lợi lộc, lợi ích.
- Lợi 2,3: Phần thịt bao quanh răng.

Lợi: +Âm: giống nhau

+Nghĩa: Khác xa nhau

Việc dùng từ lợi (2), (3) là dựa vào hiện tượng đồng âm của từ ngữ.

-Tác dụng: tạo sắc thái hài hước, dí dỏm, câu văn thêm hấp dẫn, thú vị.

➔ Chơi chữ.

2. Các lối chơi chữ.

Ví dụ 1: Sánh với Na-va “ranh tướng” Pháp

Tiếng tăm nồng nặc ở Đông Dương

- “ranh tướng”: tên tướng ranh mãnh, nhãi ranh. ➔ ý coi thường.
- “danh tướng”: danh tiếng, uy danh của một vị tướng .
- Thay vì dùng “danh tướng” tác giả lại dùng cách nói trại âm: “ranh tướng”
- > giễu cợt, châm biếm, đả kích tên tướng Pháp Na-va
- > xét về mặt âm, hai từ này gần âm.
- => Dùng lối nói trại âm (gần âm).

Ví dụ 2: Mênh mông muôn mẫu một màu mưa

Mỏi mắt miên man mãi mịt mờ.

(Tú Mỡ)

- giống nhau phụ âm đầu: m
- ➔ tạo sự đặc sắc về ngữ âm cho câu thơ.
- ➔ Hiện tượng này gọi là điệp âm
- => Dùng cách điệp âm.

Ví dụ 3: Con cá đối bỏ trong cối đá

Con mèo cái nằm trên mái kèo

Trách cha mẹ em nghèo, anh nữ phụ duyên em.

- cá đối -> cối đá;
- mèo cái - mái kèo
- > Vẫn được đánh tráo tạo từ mới, nghĩa mới ➔ chỉ sự vật khác.

=> Dùng lối nói lái

Ví dụ 4: Ngọt thơm sau lớp vỏ gai,
Quả ngon lớn mãi cho ai đẹp lòng.
Mời cô, mời bác ăn cùng,
Sầu riêng mà hoá vui chung trăm nhà.

- Sầu riêng: là một loại quả có vị ngọt thơm, trồng nhiều ở miền Nam.

- Sầu riêng: trạng thái tâm lí tiêu cực: buồn của cá nhân khó thổ lộ.

-> Trái nghĩa: sầu riêng >< vui chung (trạng thái tâm lí: tích cực, có tính tập thể)

=> Dùng từ ngữ đồng âm và trái nghĩa.

3. Cách sử dụng

- Chơi chữ được sử dụng trong văn thơ: Đặc biệt là trong thơ văn trào phúng, câu đối, câu đố.

- Trong đời sống thường ngày

II. GHI NHỚ: SGK/ 164, 165

III. LUYỆN TẬP

Bài tập 1 (SGK/165):

Gợi ý :

- Những từ ngữ để chơi chữ : liu điu, rắ[~]n , hồ lử[~]a, mai gằ[~]m, ráo, lắ[~]n, roi, trâu lổ[~], hồ mang → dùng từ gọi tên các loài rắ[~]n

- Lối chơi chữ dùng từ ngữ đồng âm

+ liu điu: tên một loài rắ[~]n nhỏ (danh từ); cũng có nghĩa là nhẹ, chậm yếu (tính từ)

+ Rắ[~]n: chỉ chung các loại rắ[~]n (danh từ); chỉ tính chất cứng, khó tiếp thu (tính từ): cứng rắ[~]n, cứng đầu.

Bài tập 2 (SGK/165):

Gợi ý :

- Nứa, tre, trúc, hóp → chung trường nghĩa: họ tre nứa

Học sinh làm ở câu còn lại

Bài tập 3 (SGK/165): HS tự làm

Ví dụ:

Có con mà chẳng có cha

Có lưỡi, không miệng, đó là vật chi?

-> Con dao (Lôi chơi chữ trái nghĩa)

Bài tập 4 (SGK/166):

Gợi ý:

- Từ cam 1 (danh từ): quả cam
 - Từ cam 2 (tính từ): sự ngọt ngào, hạnh phúc
- => lối chơi chữ: dùng từ ngữ đồng âm

IV. DẶN DÒ

- Nắm vững nội dung bài học
- Hoàn thành các bài tập còn lại
- Soạn bài: Một thứ quà của lúa non: Cốm

TUẦN 14

TIẾT 54: Văn bản

MỘT THỨ QUÀ CỦA LÚA NON: CỐM

Thạch Lam

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

*Chú ý: Học sinh chỉ đọc, không cần viết bài

Đọc kĩ sách giáo khoa trang 159,160,161,162,163 thực hiện các yêu cầu:

* Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả tác phẩm

- Đọc chú thích (sgk/161,162) trình bày những hiểu biết của em về tác giả Thạch Lam

- Đọc văn bản : “Một thứ quà của lúa non: Cốm”.

- Tìm hiểu xuất xứ, bố cục, phương thức biểu đạt của văn bản.

* Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung văn bản

1. Sự hình thành của hạt cốm (Từ đầu đến “...chiếc thuyền rồng”)

- Cảm xúc đầu tiên của tác giả được gợi lên từ những hình ảnh, chi tiết nào?

- Cách chế biến cốm có đơn giản không?

- Hình ảnh cô hàng cốm được miêu tả thông qua những chi tiết nào?

2. Giá trị đặc sắc của cốm (Từ “Cốm là thức quà riêng biệt” đến “...nhũn nhặn”).

- Đoạn này gợi cho em cách hiểu mới mẻ nào về cốm?

- Tác giả bình luận về vấn đề gì ?

- Ở cuối đoạn 2, nhân nói về những tập tục tốt đẹp của dân tộc, tác giả còn thể hiện quan điểm gì của mình?

3. Bàn về sự thưởng thức cốm (Phần còn lại)

- Sự tinh tế và thái độ trân trọng của tác giả trong việc thưởng thức 1 món quà bình dị đã được thể hiện như thế nào?

- Bài tùy bút được kết thúc bằng lời đề nghị với những người mua cốm, em có suy nghĩ gì trước những lời đề nghị này?

- Em có suy nghĩ và nhận xét gì về văn hoá trong ẩm thực về những đặc điểm nghệ thuật ẩm thực của dân tộc?

* *Nhiệm vụ 3: Làm bài tập*

Học sinh làm bài tập theo yêu cầu của giáo viên

B. NỘI DUNG GHI BÀI:

***Chú ý: Phần này học sinh viết bài đầy đủ vào trong vở.**

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả

Tác giả: Thạch Lam – Nguyễn Tường Lân (1910 – 1942)

- Chuyên viết về truyện ngắn, tùy bút.

- Phong cách:

+ Nhẹ nhàng, trong sáng, giàu chất thơ.

+ Diễn tả một cách tinh tế những cảm xúc, cảm giác của con người.

2. Tác phẩm:

a. Xuất xứ

Trích từ tập tùy bút Hà Nội băm sáu phố phường (1943)

b. Đọc – chú thích

c. Bố cục văn bản

Bố cục: 3 phần

Phần 1: Từ đầu đến “...chiếc thuyền rồng.” → Nguồn gốc cốm.

Phần 2: Từ “Cốm là thức quà riêng biệt” đến “...nhũn nhặn.” → Giá trị của cốm.

Phần 3: Còn lại → Cách thưởng thức cốm.

d. Thể loại và phương thức biểu đạt

- Thể loại: tùy bút

- Ptbđ: Biểu cảm

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Sự hình thành của hạt cốm:

* Nguồn gốc: Cốm được làm ra từ hương vị thanh khiết của đồng quê: hương thơm của lá sen, mùi thơm mát của bông lúa non...

* Sự hình thành của cốm:

- Người có chuyên môn.

- Truyền từ đời này qua đời khác.
- Bí mật, trân trọng, khát khe, giữ gìn.
- Cách chế biến công phu, nhiều công đoạn và đòi hỏi sự khéo léo.
- > Cách dẫn dắt tạo sự đồng cảm và ấn tượng cho người đọc.
- Kể về cách làm ra cốm, giới thiệu cốm làng Vòng để ca ngợi.
- Cô hàng cốm: duyên dáng, lịch thiệp (xinh xinh; gọn ghẽ; đôn gánh)
- Cốm gắn liền với vẻ đẹp duyên dáng, lịch thiệp của con người.
- Yêu quý trân trọng cội nguồn trong sạch, đẹp đẽ, giàu sắc thái dân tộc của cốm.
- => Cốm được làm ra từ hương vị thanh khiết của đồng quê, sự khéo léo của con người .

2. Giá trị đặc sắc của cốm:

- Cốm là quà tặng của đồng quê.
- Cốm là đặc sản của dân tộc vì nó kết tinh hương vị thanh khiết của đồng quê.
- Cốm làm quà sêu tết, góp phần trong hạnh phúc lứa đôi của con người.
- + Hoà hợp màu sắc : xanh tươi - đỏ thắm
- + “Hồng cốm tốt đời”: Hoà hợp hương vị, thanh đạm ngọt sắc, nâng đỡ nhau - hương vị lâu bền - hạnh phúc bền lâu - Sự hoà hợp của triết lý âm dương.
- > Cốm góp phần cho nhân duyên của con người tốt đẹp hơn
- Phê phán, chê cười, đáng tiếc cho tục lệ bị phai nhạt.
- => Từ giá trị ẩm thực cốm được nâng lên thành giá trị tinh thần, giá trị văn hóa.

3. Bàn về sự thưởng thức cốm:

*Thưởng thức:

+ Ăn cốm: từng chút ít ,thong thả và ngẫm nghĩ.

+ Mua cốm: nhẹ nhàng, nâng niu.

* Thưởng thức cốm bằng:

+ Khứu giác: Mùi thơm của lúa.

+ Vị giác: Chát ngọt của cốm.

+ Thị giác: Màu xanh.

+ Xúc giác: Tươi mát của lá.

- + Sự suy tưởng: Cái dịu dàng, thanh đạm.
- > Ngôn ngữ trang trọng, giàu chất thơ, thể hiện thái độ trân trọng của tác giả
- => Cảm nhận, giữ gìn, nâng niu trân trọng phong tục tập quán tốt đẹp vì đó là nét văn hoá ẩm thực của người Việt.

III. GHI NHỚ: SGK/ 163

(Học sinh chỉ đọc không viết)

1. Nội dung:

- Cốm là thức quà đặc sắc
- Sản vật quý của dân tộc cần nâng niu, gìn giữ

2. Nghệ thuật:

- Ngòi bút tinh tế nhạy cảm, lời văn giàu ẩn tượng
- Lời văn nhẹ nhàng, êm ái, kết hợp nhiều phương thức biểu đạt

IV. LUYỆN TẬP

Viết một đoạn văn ngắn (5-7 câu) nêu cảm nhận của em sau khi học xong văn bản "Một thứ quà của lúa non : Cốm"

V. VẬN DỤNG

Sưu tầm những câu thơ, ca dao nói đến hình ảnh Cốm

VI. DẶN DÒ

- Nắm vững nội dung bài học
- Hoàn thành bài tập
- Soạn bài: “ Mùa xuân của tôi”

TUẦN 14

TIẾT 55: Văn bản

MÙA XUÂN CỦA TÔI

(Vũ Bằng)

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

***Chú ý: Học sinh chỉ đọc, không cần viết bài**

Đọc kĩ sách giáo khoa trang 173,174,175,176,177 thực hiện các yêu cầu:

** Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả tác phẩm*

- Đọc chú thích (sgk/175,176) trình bày những hiểu biết của em về tác giả Vũ Bằng

- Đọc văn bản : “ Mùa xuân của tôi”.

- Tìm hiểu xuất xứ, bố cục, phương thức biểu đạt của văn bản.

** Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung văn bản*

1. Cảm nhận về quy luật tình cảm của con người đối với mùa xuân (Từ đầu... “mê luyến mùa xuân”)

- Ở đầu đoạn văn, tác giả đã nhận xét như thế nào về thái độ của mọi người đối với mùa xuân?

- Tác giả khẳng định tình cảm mê luyến của con người với mùa xuân qua những chi tiết nào?

- Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong đoạn văn? Nó có hiệu quả như thế nào?

2. Cảnh sắc và không khí mùa xuân đất Bắc, mùa xuân Hà Nội (Tiếp... “bướm ra ràn ràn mở hội liên hoan”)

- Cảnh sắc mùa xuân Hà Nội và miền Bắc đã được gợi tả như thế nào?

- Nhận xét về biện pháp ngôn từ nổi bật trong đoạn “ Ấy đấy, cái mùa xuân thần thánh của tôi...đứng cạnh”? Nêu tác dụng của biện pháp đó?

- Từ đó tình cảm nào của tác giả dành cho mùa xuân đất Bắc được bộc lộ?

3. Cảm nhận mùa xuân trong tháng giêng nơi đất Bắc (phần còn lại)

- Mùa xuân của nửa tháng giêng được gọi tả bằng những chi tiết nào?
- Em cảm nhận được những gì sâu sắc nhất về mùa xuân đất Bắc qua văn bản này?

* *Nhiệm vụ 3: Làm bài tập*

Học sinh làm bài tập theo yêu cầu của giáo viên

B. NỘI DUNG GHI BÀI:

***Chú ý: Phần này học sinh viết bài đầy đủ vào trong vở.**

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả

- Vũ Bằng (1913 – 1984)
- Sinh ra và lớn lên ở Hà Nội.
- Quê gốc: Bình Giang, tỉnh Hải Dương
- Năm 2007, được tặng giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật

2. Tác phẩm:

a. Xuất xứ:

Trích trong thiên tùy bút “Tháng giêng mơ về trăng non, rét ngọt”.

b. Đọc - chú thích

c. Bố cục: 3 phần

- Phần 1: từ đầu “mê luyến mùa xuân” → Yêu mùa xuân là một quy luật tự nhiên của tình cảm con người.
- Phần 2: tiếp theo.... “bướm ra ràng mở hội liên hoan” → Cảm xúc của nhà văn trước ngày tết ở xứ Bắc.
- Phần 3: (còn lại) → Cảm xúc của nhà văn sau ngày rằm tháng giêng.

d. Thể loại và phương thức biểu đạt

- Thể loại: Tùy bút.
- Phương thức biểu đạt : Biểu cảm.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Cảm nhận về quy luật tình cảm của con người đối với mùa xuân.

- Từ ngữ: chuộng, trù mến, mê luyến...-> Biểu cảm trực tiếp.

- “Ai bảo được... mê luyện mùa xuân”.

-> Điệp cấu trúc, liệt kê, ẩn dụ, nhân hóa. Tạo nhịp điệu hài hòa, thiết tha, mềm mại.

=> Khẳng định tình yêu mùa xuân là một qui luật tất yếu của vạn vật trong thiên nhiên và của con người.

2. Cảnh sắc và không khí mùa xuân đất Bắc, mùa xuân Hà Nội

a. Cảnh thiên nhiên:

+ Thời tiết: mưa riêu riêu, gió lành lạnh.

+ Âm thanh: có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...

-> Điệp ngữ (Mùa xuân, có), so sánh (... đẹp như thơ mộng), từ láy (riêu riêu, lành lạnh)

-> Cảnh sắc thiên nhiên: đẹp lung linh.

- Cảm xúc của con người trước mùa xuân thiên nhiên:

+ Nhựa sống trong người căng lên.

+ Tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra và đập mạnh hơn...

-> Những hình ảnh so sánh gợi cảm; cảm xúc chân thành, tha thiết; giọng điệu thiết tha, câu văn dài, nhiều dấu phẩy.

=> Sức sống của mùa xuân như tiếp thêm nội lực cho con người, làm cho con người bừng lên bao khát khao, bao tình yêu với cuộc đời.

b. Không khí trong nhà.

+ nhang trầm, đèn nến.

+ bầu không khí: đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường....

+ trong lòng hoa mới nở, bướm ra ràng...

-> Liệt kê, so sánh, câu văn dài...

=> Niềm hạnh phúc rạo rức của tác giả.

3. Cảm nhận mùa xuân sau ngày tháng giêng nơi đất Bắc

- Vẫn còn không khí tết

- đào hơi phai, nhụy còn phong

- cỏ không mượt xanh như cuối đông đầu giêng nhưng nức một mùi hương man mác

- trời hết nồm, mưa xuân thay thế cho mưa phùn

- nền trời xanh tươi, không còn đùng đục như màu pha lê mờ...

- người ta trở về bữa cơm giản dị, các trò vui kết thúc

-> Liệt kê, so sánh...

-> Cảnh sắc thiên nhiên: tươi tắn, trong sáng.

=> Không khí gia đình: giản dị, đời thường, mộc mạc, dân dã.

* Thông điệp: Yêu thiên nhiên, trân trọng cuộc sống

III. GHI NHỚ: SGK/ 178

(Học sinh chỉ đọc không viết)

1. Nghệ thuật

- Sử dụng các biện pháp tu từ: điệp ngữ, ẩn dụ, so sánh, liệt kê...

- Lựa chọn những chi tiết tiêu biểu, ẩn tượng, lời văn giàu hình ảnh, gợi cảm xúc, nhịp điệu...

- Giọng điệu thiết tha, trù mến...

- Bộc lộ cảm xúc mãnh liệt...

2. Nội dung

Cảnh sắc thiên nhiên và không khí mùa xuân ở Hà Nội và miền Bắc qua nỗi nhớ thương da diết của một người xa quê.

IV. LUYỆN TẬP

Hãy viết một đoạn văn (8-10 câu), nêu cảm nhận của em về một mùa trong năm.

V. VẬN DỤNG

Sưu tầm những bài thơ, bài văn viết về mùa xuân

VI. DẶN DÒ

- Nắm vững nội dung bài học

- Hoàn thành bài tập

- Soạn bài: “Ôn tập văn biểu cảm”

TUẦN 14

TIẾT 56: Tập làm văn

ÔN TẬP VĂN BIỂU CẢM

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU

Chú ý: Học sinh chỉ đọc, không cần viết bài

Đọc kĩ sách giáo khoa trang 168 và thực hiện các yêu cầu:

* *Nhiệm vụ 1: Hệ thống hóa kiến thức*

- Khái niệm văn biểu cảm
- Đặc điểm của văn biểu cảm
- Cách lập ý cho bài văn biểu cảm
- Các yếu tố tự sự, miêu tả trong bài văn biểu cảm

* *Nhiệm vụ 2: Luyện tập*

Làm bài tập 1,2,3,4,5 SGK/ 168

B. NỘI DUNG GHI BÀI:

***Chú ý: Phần này học sinh viết bài đầy đủ vào trong vở.**

I. HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC

1. Khái niệm văn biểu cảm

Văn biểu cảm là văn được viết ra nhằm biểu đạt tình cảm, cảm xúc, sự đánh giá của con người đối với thế giới xung quanh và kêu gọi lòng đồng cảm nơi người đọc (còn gọi là văn trữ tình).

2. Đặc điểm của văn biểu cảm :

- Nội dung: bộc lộ tình cảm, cảm xúc
- Có 2 cách biểu cảm chủ yếu: biểu cảm trực tiếp và biểu cảm gián tiếp.
- Bố cục: 3 phần
 - + Mở bài: Giới thiệu đối tượng biểu cảm, nêu cảm xúc ban đầu về đối tượng
 - + Thân bài: Trình bày cảm xúc, suy nghĩ về đối tượng, trong bài có kết hợp thêm yếu tố tự sự và miêu tả
 - + Kết bài: Khẳng định lại cảm xúc mà mình dành cho đối tượng.

3. Cách lập ý cho bài văn biểu cảm

- Liên hệ hiện tại với tương lai.
- Hồi tưởng quá khứ và suy nghĩ về hiện tại
- Tưởng tượng tình huống, hứa hẹn, mong ước.
- Quan sát, suy ngẫm.

4 . Các yếu tố tự sự , miêu tả trong bài văn biểu cảm :

- Tự sự và miêu tả dùng để gọi ra đối tượng biểu cảm và gửi gắm cảm xúc.
- Tự sự và miêu tả ở đây nhằm khơi gợi cảm xúc, do cảm xúc chi phối chứ không nhằm mục đích kể chuyện, miêu tả đầy đủ sự việc, phong cảnh.

II . LUYỆN TẬP

Bài tập 1 (trang 168 / SGK)

Gợi ý:

- Văn miêu tả :Tái hiện đối tượng (người, vật, cảnh vật,...) làm cho người đọc có thể hình dung và cảm nhận được
- Văn biểu cảm: Nói lên suy nghĩ, cảm xúc về đối tượng (người, vật, cảnh vật,...), vì vậy văn biểu cảm người ta hay sử dụng phép tu từ so sánh, ẩn dụ...

Bài tập 2 (trang 168 / SGK)

Gợi ý:

- Văn tự sự: Kể lại một câu chuyện (sự việc) có đầu, có đuôi, có nguyên nhân, diễn biến, kết quả...
- Văn biểu cảm:Yếu tố tự sự chỉ để làm nền nhằm nói lên cảm xúc qua sự việc

Bài tập 3 (trang 168 / SGK)

Gợi ý:

Tự sự và miêu tả trong văn biểu cảm đóng vai trò làm giá đỡ cho tình cảm, cảm xúc được bộc lộ. Thiếu tự sự, miêu tả thì tình cảm mơ hồ, không cụ thể bởi vì tình cảm, cảm xúc của con người chỉ nảy sinh từ sự việc, cảnh vật cụ thể.

Bài tập 4 (trang 168 / SGK)

Lập dàn bài cho đề văn: Cảm nghĩ về mùa xuân.

Gợi ý:

* Các bước

Bước 1: Định hướng (tìm hiểu đề ,tìm ý) và xác định bài văn cần biểu hiện những tình cảm gì đối với người hay cảnh gì?

Bước 2: Lập dàn ý

Bước 3: Viết bài

Bước 4: Đọc lại và sửa chữa

* Tìm ý và sắp xếp

1. Tìm hiểu đề:

- Kiểu văn bản: Biểu cảm (Phát biểu cảm nghĩ)
- Đối tượng : Mùa xuân
- Yêu cầu: Bày tỏ thái độ, tình cảm và sự đánh giá đối với mùa xuân.

2. Lập dàn ý

a. Mở bài

Giới thiệu mùa xuân và ấn tượng, cảm xúc chung về mùa xuân.

b. Thân bài

- Cảm xúc về đặc điểm của mùa xuân
- Cảm xúc, suy nghĩ về ý nghĩa của mùa xuân
- + Mùa xuân đem đến cho muôn loài sức sống
- + Sự biến chuyển tình cảm:
 - . Người lớn vui vẻ, phấn khởi khi xuân về.
 - . Trẻ em có lì xì, quần áo mới hân hoan.
 - . Người già: thêm tuổi mới và được con cháu mừng thọ

c. Kết bài

- Khẳng định tình cảm của em với mùa xuân, mong ước về mùa xuân

III. VẬN DỤNG

Đề bài: Cảm nghĩ về ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11.

Em hãy lập dàn bài, viết mở bài và kết bài cho đề văn trên.

IV. DẶN DÒ

- Sưu tầm thêm các bài văn về biểu cảm

- Hoàn thành các bài tập còn lại
- Soạn bài: Chuẩn mực sử dụng từ.